

**KẾ HOẠCH
Phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2026
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**Phần I
TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

I. Tình hình dịch bệnh động vật

Năm 2025, tình hình dịch bệnh động vật trên cả nước cơ bản được kiểm soát; tuy nhiên, một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn vật nuôi vẫn còn xảy ra, cụ thể: bệnh Dịch tả lợn châu Phi (DTLCP) xảy ra tại 34 tỉnh, thành phố, với tổng số lợn tiêu hủy trên 1,2 triệu con; các bệnh Cúm gia cầm (CGC), Lở mồm long móng (LMLM) ở gia súc, Viêm da nổi cục (VDNC) và Đại động vật lần lượt xảy ra tại 13, 16, 12 và 24 tỉnh, thành phố.

Tại Gia Lai, UBND tỉnh cùng các sở, ban, ngành, địa phương đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh động vật; các biện pháp được triển khai đồng bộ, các đợt tiêm phòng vaccine cho đàn gia súc, gia cầm được tổ chức kịp thời, đồng thời tăng cường công tác giám sát, cảnh báo dịch bệnh. Nhờ đó, các loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi cơ bản được khống chế; trong năm chỉ ghi nhận bệnh DTLCP tại 66 hộ chăn nuôi thuộc 50 thôn, làng của 26 xã, buộc phải tiêu hủy 1.623 con lợn (tổng khối lượng 101.592 kg). Tình hình dịch bệnh đã được khống chế kịp thời, không để lây lan diện rộng. Riêng đối với bệnh Đại động vật, ghi nhận 12 trường hợp, trong đó đã xử lý tiêu hủy 03 con và 10 trường hợp nghi mắc bệnh, được các địa phương phát hiện, xử lý kịp thời theo quy định.

Trong các tháng đầu năm 2025, thời tiết diễn biến phức tạp; cùng với hoạt động tái đàn, vận chuyển, mua bán gia súc, gia cầm phục vụ Tết Nguyên đán gia tăng, làm gia tăng nguy cơ phát sinh và tái phát dịch bệnh động vật, đòi hỏi tiếp tục triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh một cách chủ động, quyết liệt.

II. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Một số tồn tại, hạn chế

- Mầm bệnh của một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn vật nuôi vẫn còn tồn tại trong môi trường, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh.

- Công tác tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với gia cầm chăn nuôi nhỏ lẻ; các địa phương đã tích cực chỉ đạo, tổ chức triển khai tiêm phòng vaccine Đại cho đàn chó, mèo, tuy nhiên tập quán nuôi thả rông vẫn còn phổ biến, ý thức tiêm phòng của một bộ phận người dân còn hạn chế, trong khi địa bàn dân cư rộng, lực lượng thực hiện công tác tiêm phòng còn mỏng,

ảnh hưởng đến tỷ lệ và hiệu quả tiêm phòng.

- Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai xây dựng cơ sở giết mổ động vật tập trung tại một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý giết mổ, kiểm soát dịch bệnh và bảo đảm vệ sinh thú y.

2. Nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và quản lý chăn nuôi tại một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả, còn thiếu chủ động trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chăn nuôi, thú y.

- Ý thức chấp hành quy định phòng, chống dịch bệnh động vật của một bộ phận người chăn nuôi chưa nghiêm túc; vẫn còn tình trạng giấu dịch, bán chạy vật nuôi nghi mắc bệnh hoặc mắc bệnh, vứt xác gia súc, gia cầm bệnh, chết ra môi trường mà không khai báo, gây khó khăn cho công tác phát hiện, xử lý dịch bệnh kịp thời.

- Tổng đàn vật nuôi lớn, trong khi chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ trọng cao, chưa áp dụng đầy đủ các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; cùng với thời tiết chuyển mùa, làm giảm sức đề kháng của đàn vật nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho mầm bệnh tồn tại, phát tán diện rộng và gây phát sinh dịch bệnh.

Phần II

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH GIA SÚC, GIA CẦM NĂM 2026

I. Căn cứ pháp lý

- Luật Thú y số 79/2015/QH13;
- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;
- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn được bổ sung, sửa đổi bởi Thông tư 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019, Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021;
- Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 27/5/2013 về hướng dẫn phối hợp phòng, chống

bệnh lây truyền từ động vật sang người;

- Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định cơ chế hỗ trợ vaccine tiêm phòng; phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030;

- Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030.

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật nguy hiểm; phương châm lấy phòng bệnh là chính, thực hiện quản lý, giám sát chặt chẽ dịch bệnh đến tận cơ sở chăn nuôi nhằm phát hiện sớm, bao vây không chế, xử lý kịp thời không để các loại dịch bệnh nguy hiểm xảy ra lây lan trên diện rộng; sẵn sàng các phương án, nguồn nhân lực, vật tư, hóa chất để chủ động xử lý khi phát sinh dịch bệnh; Tạo điều kiện để người chăn nuôi an tâm đầu tư phát triển ổn định, tạo ra vùng nguyên liệu cung cấp thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng, tăng thu nhập cho người chăn nuôi, góp phần bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Phát triển chăn nuôi, quản lý giết mổ theo quy hoạch, đảm bảo chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học và từng bước giảm chăn nuôi, giết mổ nhỏ lẻ; đồng thời nâng cao chất lượng con giống, duy trì, bảo tồn và phát triển các giống bản địa trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ động vật tập trung, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

- Xây dựng các cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, tiến tới hình thành vùng an toàn dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh, phục vụ tiêu dùng trong tỉnh, trong nước, đảm bảo sức khỏe người dân và hướng tới xuất khẩu.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm theo quy định của Luật Thú y, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; thực hiện phát triển chăn nuôi, quản lý giết mổ theo quy hoạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật.

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện phải có sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở và cả hệ thống chính trị; huy động toàn dân chủ động tích cực tham gia phòng, chống dịch bệnh và kiểm soát chăn nuôi, giết mổ an toàn.

- Tổ chức phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm kịp thời, phù hợp và hiệu quả; quản lý chăn nuôi, giết mổ và giám sát dịch bệnh đến tận hộ chăn nuôi, giết mổ,

nhất là các ổ dịch cũ, vùng nguy cơ cao và đảm bảo an toàn cho người trực tiếp tham gia và những người liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực chăn nuôi, giết mổ và phòng, chống dịch bệnh động vật; kiên quyết ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

III. Nội dung và giải pháp

1. Tuyên truyền, tập huấn

- Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật quy định về chăn nuôi, thú y; cơ chế, chính sách hỗ trợ người chăn nuôi về phòng, chống dịch bệnh động vật; thông tin kịp thời chính xác về tình hình, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh động vật; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân về thực hiện biện pháp phòng, chống dịch.

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền sâu rộng về công tác tiêm phòng vaccine, phòng, chống các loại dịch bệnh động vật nguy hiểm, các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm dịch bệnh từ động vật sang người, tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi; các chế độ chính sách trong lĩnh vực giết mổ, xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên thú y cấp xã về giám sát, xác minh, báo cáo dịch bệnh, lập kế hoạch phòng chống dịch; tái đàn, thực hiện quản lý kiểm soát giết mổ, quản lý an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật trên địa bàn quản lý.

2. Điều tra ổ dịch, các biện pháp xử lý ổ dịch, tổ chức chống dịch

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp xử lý ổ dịch khi mới phát sinh, không để lây lan ra diện rộng như tiêu hủy, tiêm phòng bao vây, khử trùng, tiêu độc khu vực có dịch, kiểm soát vận chuyển động vật cảm nhiễm và các sản phẩm của chúng ra, vào vùng dịch, xử lý động vật mắc cảm trong ổ dịch.

- Điều tra nguồn gốc phát sinh đối với các ổ dịch nhằm dự báo tình hình dịch. Thực hiện công tác chống dịch theo quy định.

- Khi nghi ngờ có ổ dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm phải thực hiện thu thập mẫu gửi cơ quan xét nghiệm có thẩm quyền để xác định dịch bệnh, sự biến chủng, độc lực và tính chất khác của mầm bệnh giúp dự báo và xử lý ổ dịch có hiệu quả.

3. Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng

- Thực hiện vệ sinh khử trùng, tiêu độc theo quy định tại Phụ lục 8 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Hình thức triển khai: (1) Tiêu độc khử trùng thường xuyên: Thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng hàng ngày tại các khu vực có nguy cơ cao. (2) Tiêu độc

khử trùng định kỳ: Thực hiện theo tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng, dự kiến 3 đợt/năm. (3) Tiêu độc khử trùng khi có dịch bệnh xảy ra: Tổ chức tiêu độc khử trùng tại nơi có dịch bệnh, khu vực xung quanh với tần suất theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

- Loại hóa chất sử dụng: Các loại hóa chất thuộc danh mục được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam.

4. Quản lý hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm

- Tiếp tục phối hợp với các sở ngành, địa phương kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn tỉnh góp phần kiểm soát dịch bệnh nguy hiểm, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng. Đồng thời, tăng cường quản lý các hộ, điểm giết mổ nhỏ lẻ, không đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường; đưa các điểm, hộ giết mổ nhỏ lẻ vào giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Dự kiến, năm 2026 xúc tiến mời gọi nhà đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động 02 cơ sở giết mổ động vật tập trung tại xã Hòa Hội (San Hà) và phường Pleiku.

5. Quản lý công tác kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y và hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y

- Tăng cường kiểm tra vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật; Kiểm soát chặt chẽ hoạt động vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra, vào địa bàn tỉnh. Phát huy hiệu quả hoạt động tại các Trạm Kiểm dịch động vật; xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, buôn bán, giết mổ động vật, sản phẩm động vật chưa qua kiểm dịch thú y, không rõ nguồn gốc.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động hành nghề thú y tư nhân, đảm bảo việc hành nghề đúng quy định của pháp luật. Xử lý theo quy định của pháp luật các trường hợp vi phạm quy định về hành nghề thú y làm lây lan dịch bệnh, hành nghề trái phép.

- Thực hiện công tác quản lý giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y theo quy định của pháp luật. Rà soát, thống kê, cập nhật danh sách và quản lý các cơ sở chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y trên địa bàn tỉnh. Xử lý các cơ sở chăn nuôi không thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định.

6. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích các cơ sở chăn nuôi xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh hướng tới xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tạo vùng nguyên liệu an toàn, phục vụ sản xuất, chế biến, tiêu thụ trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Duy trì các cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, VietGAP. Tổ chức giám sát dịch bệnh, thẩm định, kiểm tra, đánh giá và công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh khi đủ điều kiện theo quy định; định kỳ báo cáo cập

nhật danh sách vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh được cấp theo quy định.

7. Công tác kiểm tra trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y

- Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y thuộc thẩm quyền.

- Thành lập các đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra hậu kiểm các cơ sở, doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm; kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống dịch bệnh, quản lý chăn nuôi, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ trên địa bàn tỉnh để kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý các hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền.

- Tổ chức kiểm tra và đánh giá phân loại các cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi theo quy định.

8. Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật đối với một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm

8.1. Đối với bệnh LMLM trâu, bò

a) Tổ chức tiêm phòng vaccine LMLM cho đàn trâu, bò toàn tỉnh.

Thời gian: Tổ chức 02 đợt tiêm phòng đại trà cho đàn trâu, bò.

- Đợt 1: Tổ chức từ ngày 30/3/2026 đến ngày 30/5/2026.

- Đợt 2: Tổ chức từ ngày 30/9/2026 đến ngày 30/11/2026.

b) Loại vaccine, đối tượng và phạm vi tiêm phòng:

- Loại vaccine, đối tượng tiêm phòng, liều lượng và cách sử dụng, bảo quản vaccine theo hướng dẫn của Cục Chăn nuôi và Thú y và nhà sản xuất.

- Phạm vi tiêm phòng: Tiêm phòng đàn trâu, bò thuộc diện tiêm phòng, đảm bảo đạt tỷ lệ từ 80% trở lên.

8.2. Đối với bệnh Cúm gia cầm

a) Tổ chức tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm cho đàn gà, vịt, chim cút trên địa bàn toàn tỉnh:

Thời gian: Tổ chức 02 đợt tiêm phòng đại trà, khép kín cho đàn vật nuôi.

- Đợt 1: Tổ chức từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

- Đợt 2: Tổ chức từ ngày 01/7/2026 đến ngày 31/12/2026.

b) Loại vaccine, đối tượng và phạm vi tiêm phòng:

- Loại vaccine, đối tượng tiêm phòng, liều lượng và cách sử dụng, bảo quản vaccine theo hướng dẫn của Cục Chăn nuôi và Thú y và nhà sản xuất.

- Phạm vi tiêm phòng: Tiêm phòng đàn gia cầm thuộc diện tiêm phòng, trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng từ 80% trở lên. Duy trì tiêm phòng bổ sung cho gia cầm nuôi mới, tái đàn, đảm bảo đủ liều, đủ mũi theo quy định.

8.3. Đối với bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò

a) Thời gian tiêm phòng

Tổ chức tiêm 01 đợt đại trà, từ ngày 01/6/2026 đến ngày 15/7/2026 cho đối tượng trâu, bò thuộc diện tiêm. Đồng thời, duy trì tiêm phòng bổ sung khép kín (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026) cho số bê, nghé mới sinh đến kỳ tiêm phòng và số trâu, bò chưa được tiêm phòng hoặc hết thời gian miễn dịch; đảm bảo tiêm 01 lần/con/năm.

b) Loại vaccine, đối tượng và phạm vi tiêm phòng:

- Loại vaccine, đối tượng tiêm phòng, liều lượng và cách sử dụng, bảo quản vaccine theo hướng dẫn của Cục Chăn nuôi và Thú y và nhà sản xuất.

- Phạm vi tiêm phòng: Tiêm phòng đàn trâu, bò thuộc diện tiêm phòng, tỷ lệ tiêm phòng đạt 80% diện tiêm trở lên.

8.4. Đối với bệnh Dịch tả lợn châu Phi

a) Chăn nuôi lợn an toàn sinh học: Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động các cơ sở chăn nuôi chủ động thực hiện nghiêm các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, vệ sinh, tiêu độc sát trùng; đầu tư, nâng cấp chuồng trại, công nghệ chăn nuôi, bảo đảm áp dụng có hiệu quả các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học.

b) Tiêm phòng vaccine:

- Cơ sở chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học; chủ cơ sở khai báo với nhân viên thú y cấp xã biết để hướng dẫn và theo dõi, giám sát trong quá trình tiêm phòng; đồng thời, nhân viên thú y báo cáo UBND cấp xã, Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công theo dõi, tư vấn kỹ thuật.

- Đối tượng, liều lượng, quy trình tiêm phòng thực hiện đúng theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất. Không được tiêm cho lợn hậu bị, lợn nái và đực giống, lợn có thể trạng yếu, đang sốt, bị bệnh mãn tính và phát triển không bình thường. Khuyến cáo người chăn nuôi cần tăng cường sức đề kháng cho lợn trước và sau khi tiêm vaccine. Trường hợp phát hiện đàn lợn có biểu hiện bất thường sau tiêm phòng, báo ngay cho nhân viên thú y cấp xã để phối hợp, hướng dẫn xử lý.

- Kinh phí mua vaccine tiêm phòng, tiền công tiêm phòng do người chăn nuôi chi trả.

8.5. Đối với bệnh Đại chó, mèo

a) Quản lý chó nuôi

- Chủ vật nuôi chấp hành đăng ký việc nuôi chó với cấp thôn hoặc UBND cấp xã; cam kết xích, nhốt hoặc nuôi giữ chó trong khuôn viên của gia đình; chấp hành tiêm vaccine phòng bệnh Đại; nếu vi phạm xử lý theo quy định.

- UBND xã, phường chỉ đạo mở sổ quản lý chó nuôi; lập bản cam kết quy định nuôi chó với chủ vật nuôi và định kỳ kiểm tra cập nhật thông tin về tình hình

đàn chó, tỷ lệ tiêm phòng vaccine Đại. Duy trì hoạt động bắt chó thả rông. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hành chính trong quản lý nuôi chó, mèo, không tiêm vaccine Đại cho chó, mèo theo quy định của pháp luật.

b) Tiêm phòng vaccine Đại cho đàn chó, mèo

- Đối tượng tiêm phòng bắt buộc: Chó, mèo.

- Thời gian tiêm phòng: Tổ chức triển khai chiến dịch tiêm phòng đợt chính cho đàn chó mèo từ 01/3/2026 - 15/4/2026. Đồng thời, hàng tháng tiếp tục triển khai tiêm phòng bổ sung cho đàn chó, mèo mới phát sinh đến kỳ tiêm phòng hoặc chó, mèo nuôi đã hết thời gian miễn dịch bảo hộ.

- Phạm vi, tỷ lệ tiêm phòng: Tiêm phòng đại cho đàn chó, mèo thuộc diện tiêm phòng, đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng từ 80% trở lên. Tiêm phòng 01 con/liều/năm

c) Điều tra, xác minh và xử lý dịch bệnh trên đàn chó, mèo

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) về ban hành “Chương trình phòng, chống bệnh Đại trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022 - 2030”; Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 25/3/2022 về phòng, chống bệnh Đại trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2030 và Kế hoạch số 2354/KH-UBND ngày 11/10/2025 về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về phòng, chống bệnh Đại trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2030 (trước sắp xếp).

8.6. Đối với các bệnh truyền nhiễm khác

Tuyên truyền, vận động người chăn nuôi chủ động tiêm phòng đầy đủ các loại vaccine phòng bệnh cho đàn vật nuôi đối với các bệnh truyền nhiễm theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn được bổ sung, sửa đổi bởi Thông tư 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019, Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021.

9. Công tác giám sát dịch bệnh, giám sát sau tiêm phòng

a) Giám sát dịch bệnh

- Củng cố hệ thống giám sát, khai báo và thông tin dịch bệnh gia súc, gia cầm, đảm bảo giám sát dịch bệnh tới hộ chăn nuôi. Công khai các địa chỉ tiếp nhận thông tin khai báo dịch bệnh ở cấp xã để người dân biết, chủ động cung cấp thông tin; tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động xuất, nhập động vật và sản phẩm động vật trên địa bàn; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Giám sát chủ động: Chủ động thu thập mẫu giám sát để cảnh báo sớm lưu hành mầm bệnh (Cúm gia cầm, LMLM gia súc, DTLCP, Đại...). Chú trọng, phân tích chuyên sâu để phát hiện sự biến chủng của mầm bệnh, giúp định hướng sử

dụng vaccine cho phù hợp, hiệu quả.

- Giám sát bị động: Cơ quan chuyên môn phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức giám sát dịch bệnh đến tận các hộ, cơ sở chăn nuôi, khi phát hiện đàn vật nuôi có dấu hiệu mắc bệnh, thu thập mẫu xét nghiệm để xác định dịch bệnh. Đồng thời, điều tra xác định nguyên nhân gây bệnh để có giải pháp phòng, chống dịch phù hợp, kịp thời, không để bệnh lây lan trên diện rộng, giảm thiểu thiệt hại cho người chăn nuôi.

b) Giám sát sau tiêm phòng: Thu thập mẫu giám sát sau tiêm phòng tại các địa phương để đánh giá hiệu quả bảo hộ của vaccine đã tiêm phòng, xác định nguyên nhân và đề ra giải pháp phòng, chống dịch hiệu quả.

10. Chế độ báo cáo

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Phụ lục 03, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn.

b) Báo cáo tình hình dịch bệnh về Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y trước 16 giờ hàng ngày, theo địa chỉ: 01 Phạm Ngũ Lão, phường Quy Nhơn Nam, Gia Lai; địa chỉ Email: cccnty@snnmt.gialai.gov.vn, để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo.

IV. Các loại vaccine hỗ trợ tiêm phòng gia súc, gia cầm

1. Hỗ trợ kinh phí mua các loại vaccine cho **người chăn nuôi nông hộ** chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y, phòng, chống dịch bệnh động vật, theo quy định tại Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ vaccine tiêm phòng; phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, bao gồm: (1) Vaccine phòng bệnh CGC; (2) Vaccine phòng bệnh LMLM trâu, bò; (3) Vaccine phòng bệnh VDNC trâu, bò; (4) Vaccine phòng bệnh Đại chó, mèo cho các xã biên giới, xã đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Căn cứ tình hình dịch bệnh động vật và điều kiện thực tiễn của địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định sử dụng các loại vaccine khác để phòng bệnh cho vật nuôi thuộc danh mục các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm phải áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc bằng vaccine do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định.

V. Kinh phí thực hiện, cơ chế tài chính

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch:

- Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Kinh phí của các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, thú y, thủy sản; trong đó người chăn nuôi có trách nhiệm chủ động thực hiện các biện pháp phòng,

chống dịch bệnh đối với đàn vật nuôi của mình, như mua vaccine tiêm phòng, hóa chất, vôi bột để tiêu độc, khử trùng chuồng trại, ao nuôi, khu vực chăn nuôi theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

2. Cơ chế tài chính: Việc hỗ trợ mua vaccine tiêm phòng, tiền công tiêm phòng và hỗ trợ rủi ro do tiêm phòng, điều tra dịch tễ, giám sát lưu hành mầm bệnh và giám sát tiêm phòng thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về cơ chế hỗ trợ vaccine tiêm phòng, phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026–2030 và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh, hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

3. Tổng nhu cầu kinh phí từ ngân sách Nhà nước: 58.868.350.528 đồng (Năm mươi tám tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm hai mươi tám đồng), trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 48.144.722.928 đồng;

- Ngân sách cấp xã: 10.723.627.600 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 và 2 kèm theo)

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

b) Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật của tỉnh; phân công cụ thể từng thành viên đứng chân địa bàn để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổ chức phòng, chống dịch bệnh tại địa phương. Báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo những địa phương chủ quan, lơ là để chỉ đạo, xử lý.

c) Chủ trì tổng hợp nhu cầu vaccine tiêm phòng của các địa phương; tổ chức việc cung ứng vaccine phục vụ công tác tiêm phòng, phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định, bảo đảm thống nhất về chủng loại, chất lượng, tiến độ và hiệu quả sử dụng; trên cơ sở tổng hợp kết quả phân bổ và sử dụng vaccine tại các địa phương, thực hiện điều hòa, cân đối vaccine giữa các địa phương nhằm kịp thời khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ, bảo đảm sử dụng vaccine tiết kiệm, hiệu quả; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng vaccine tại các địa phương theo đúng quy định.

d) Xây dựng và tổ chức kiểm tra việc triển khai Kế hoạch tiêm phòng vaccine phòng bệnh động vật năm 2026 tại các địa phương; Đôn đốc các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch tiêm phòng, phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm thuộc địa bàn. Tiếp tục duy trì hoạt động các Tổ

cơ động chống dịch của ngành, đảm bảo sẵn sàng ứng phó kịp thời khi dịch xảy ra.

e) Phát động các đợt ra quân triển khai vệ sinh, tiêu độc sát trùng môi trường chăn nuôi phòng, chống dịch bệnh động vật để các địa phương chủ động tổ chức thực hiện. Chủ động kiểm tra, giám sát hoạt động này tại các địa phương.

f) Tăng cường công tác quản lý chăn nuôi, kiểm soát tái đàn, giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh, tiêm phòng và giám sát sau tiêm phòng. Đôn đốc, hướng dẫn các địa phương xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh; phát triển tái đàn, chăn nuôi an toàn sinh học và hình thành chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

g) Phối hợp Sở Tài chính tổng hợp đề xuất nhu cầu kinh phí phòng, chống dịch của các địa phương, đảm bảo đủ, kịp thời, phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh.

h) Phối hợp Sở Y tế trong hoạt động hướng dẫn các địa phương giám sát và phòng, chống các bệnh động vật lây sang người theo Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT ngày 27/5/2013 của liên Bộ Y tế - Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn phối hợp phòng, chống bệnh truyền lây từ động vật sang người.

i) Chủ động phối hợp Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các hội, đoàn thể tăng cường thông tin tuyên truyền về sự nguy hiểm của bệnh Cúm gia cầm, LMLM gia súc, DTLCP, VDNC trâu bò, Đại chó mèo.... vận động người chăn nuôi phát hiện và báo cáo kịp thời cho thú y, chính quyền địa phương về dịch bệnh để phối hợp xử lý kịp thời; tự giác thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, tiêm phòng đầy đủ các loại vaccine cho đàn vật nuôi; vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi.

k) Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y:

- Phân công lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật đứng chân địa bàn để hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác tổ chức tái đàn, chăn nuôi an toàn sinh học, xử lý dịch bệnh, tiêm phòng và phòng, chống dịch bệnh tại các địa phương.

- Phối hợp lực lượng Cảnh sát giao thông (khi cần thiết đề xuất), tăng cường kiểm tra hoạt động phục kiểm tại Trạm Kiểm dịch động vật; kiểm soát chặt chẽ các phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật và thực hiện phun thuốc tiêu độc sát trùng. Trường hợp phát hiện gia súc, gia cầm bệnh, nghi mắc bệnh, chết ... tiến hành lấy mẫu xét nghiệm và xử lý theo quy định. Tăng cường công tác kiểm dịch động vật vận chuyển tại gốc và kiểm tra hoạt động mua bán, giết mổ động vật, sản phẩm động vật tại các cơ sở giết mổ, các chợ trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động liên lạc các địa phương, nắm bắt kịp thời thông tin tình hình dịch bệnh, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo. Chuẩn bị lực lượng và đề xuất dự phòng các loại dụng cụ, vật tư chống dịch; sẵn sàng ứng phó kịp thời khi dịch xảy ra. Đồng thời, đề xuất giải pháp quản lý, kiểm soát hoạt động của lực lượng thú y hành nghề tư nhân, dẫn tinh viên, các cơ sở sản xuất chăn nuôi, gắn với trách nhiệm, phát huy hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh động vật tại

địa phương.

2. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện phù hợp, kịp thời, đảm bảo thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành.

3. Công an tỉnh: Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông và Công an các địa phương phối hợp lực lượng thú y trong công tác kiểm dịch động vật tại các Trạm Kiểm dịch động vật, kiểm tra hoạt động vận chuyển, mua bán, giết mổ động vật, sản phẩm động vật, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, môi trường chăn nuôi và hỗ trợ xử lý các trường hợp vi phạm.

4. Sở Công Thương

Thường xuyên theo dõi nắm chắc tình hình, diễn biến thị trường đối với mặt hàng trứng, thịt tươi để có giải pháp bình ổn, bảo đảm lưu thông, tránh gây biến động bất ổn thị trường trong tỉnh.

Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường phối hợp các cơ quan liên quan tăng cường các biện pháp kiểm soát lưu thông, mua bán động vật, sản phẩm động vật; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

5. Sở Y tế: Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc liên quan phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y, UBND cấp xã trong công tác tuyên truyền, giám sát dịch tễ, phát hiện và xử lý ổ dịch, phát huy hiệu quả quy chế phối hợp theo Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNN& PTNT ngày 27/5/2013.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác tuyên truyền về tiêm phòng vaccine, phòng, chống các loại dịch bệnh động vật nguy hiểm, các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm dịch bệnh từ động vật sang người, tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi và các chế độ chính sách trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Quán triệt tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung của Kế hoạch này. Kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật các xã, phường; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên đứng chân địa bàn để kiểm tra, đôn đốc, giám sát công tác tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật thuộc địa bàn phụ trách. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả tiêm phòng và công tác tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật thuộc địa bàn.

b) Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tiêm phòng trên địa bàn; tiếp nhận, quản lý, sử dụng vaccine được cấp đúng mục đích, đúng đối tượng, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, không để thất thoát, lãng phí; chịu trách nhiệm bố trí và sử dụng kinh phí tiền công tiêm phòng, hỗ trợ rủi ro do tiêm phòng theo đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người chăn nuôi thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học; chấp hành quy định tái đàn, tiêm phòng và

hợp tác với thú y cơ sở, chính quyền địa phương trong giám sát, phát hiện, báo cáo kịp thời dịch bệnh. Tuyệt đối không được giấu dịch, tự điều trị, vứt xác động vật bệnh, chết ra môi trường làm lây lan dịch bệnh.

d) Thành lập Đoàn công tác liên ngành kiểm tra công tác tiêm phòng, phòng, chống dịch và hoạt động vận chuyển, mua bán, giết mổ gia súc, gia cầm thuộc địa bàn, phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

đ) Tổ chức triển khai các giải pháp tái đàn, phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh động vật thuộc địa bàn. Tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở chăn nuôi xây dựng cơ sở chăn nuôi toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, chăn nuôi an toàn sinh học và hình thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã chăn nuôi để tham gia chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, giúp ổn định sản phẩm đầu ra. Tăng cường công tác theo dõi, giám sát dịch bệnh trên đàn vật nuôi, nhất là tại các ổ dịch cũ, khu vực có nguy cơ cao để phát hiện sớm, cảnh báo và xử lý nhanh khi dịch bệnh mới phát hiện; xử lý nghiêm các trường hợp giấu dịch, chậm báo cáo dịch dẫn đến dịch bệnh lây lan rộng.

e) Chỉ đạo tổ chức triển khai công tác kê khai chăn nuôi, tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định. Đồng thời, tăng cường quản lý, kiểm soát hoạt động của đội ngũ dẫn tinh viên, thú y hành nghề tư nhân, các cơ sở chăn nuôi, gắn với trách nhiệm tham gia công tác phòng, chống dịch bệnh tại địa phương.

g) Chủ động phối hợp Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công theo dõi địa bàn trong công tác tổ chức triển khai quản lý chăn nuôi, tái đàn, tiêm phòng, phòng, chống dịch bệnh động vật... thuộc địa bàn quản lý.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo các hội, đoàn thể trực thuộc chủ động phối hợp chính quyền địa phương tăng cường vận động, tuyên truyền hội viên nhận thức đúng về an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, chấp hành tiêm phòng và thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học; sử dụng sản phẩm động vật có nguồn gốc, không bị dịch bệnh; góp phần bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng và phát triển chăn nuôi bền vững.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để chỉ đạo kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công thương, Y tế;
- Công an tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, N6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Mah Tiệp

Phụ lục I
DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH
GIA SÚC, GIA CẦM NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Đồng

Số TT	Vaccine	Nội dung	Ngân sách tỉnh (gồm tiền mua vaccine và giám sát tiêm phòng)	Ngân sách xã (gồm tiền công tiêm phòng và rủi ro do tiêm phòng)
1	LMLM Trâu bò	1.Tổng đàn (con)	710.799	
		2.Nhu cầu vaccine (liều)	1.120.362	4.929.592.800
		3. Hao hụt vaccine dự kiến 4%	44.814	
		4. Nhu cầu kinh phí (đồng)	24.224.019.019	
2	VDNC Trâu bò	1.Tổng đàn (con)	642.168	
		2.Nhu cầu vaccine (liều)	490.054	2.156.237.600
		3. Hao hụt vaccine dự kiến 3%	14.702	
		4. Nhu cầu kinh phí (đồng)	17.666.446.700	
3	Cúm gia cầm	1.Tổng đàn (con)	8.706.194	
		2.Nhu cầu vaccine (liều)	7.186.352	2.515.223.200
		3. Hao hụt vaccine dự kiến 4%	287.454	
		4. Nhu cầu kinh phí (đồng)	3.452.898.409	
4	Đại chó mèo	1.Tổng đàn (con)	138.291	
		2.Nhu cầu vaccine (liều)	105.892	447.574.000
		3. Nhu cầu kinh phí (đồng)	2.001.358.800	
Tổng nhu cầu kinh phí tiêm phòng			47.344.722.928	10.048.627.600
Tổng nhu cầu kinh phí điều tra dịch tễ, giám sát lưu hành mầm bệnh, giám sát tiêm phòng			800.000.000	
Hỗ trợ rủi ro do tiêm phòng				675.000.000
Tổng cộng kinh phí năm 2026			48.144.722.928	10.723.627.600
Dự kiến kinh phí từ ngân sách nhà nước năm 2026 (tỉnh và xã)			58.868.350.528	

(Ghi chú: (1) LMLM: Lở mồm long móng; (2) VDNC: Viêm da nổi cục; (3) CGC: Cúm gia cầm)

Phụ lục II
NHU CẦU ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG VACCINE NĂM 2026 CỦA 135 XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Số TT	Đơn vị	LMLM		VDNC		CGC		Đại chó mèo	
		Trâu bò (con)	Vaccine (liều)	Trâu bò (con)	Vaccine (liều)	Gia cầm (con)	Vaccine (liều)	Chó mèo (con)	Vaccine (liều)
1	Phường Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phường Quy Nhơn Đông	900	900	450	450	23.000	23.000	0	0
3	Phường Quy Nhơn Tây	1.540	2.910	1.540	1.540	7.000	14.000	0	0
4	Phường Quy Nhơn Nam	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Phường Quy Nhơn Bắc	2.000	2.000	1.000	2.000	4.000	4.000	0	0
6	Xã Nhơn Châu	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Phường Bình Định	4.500	9.000	3.500	3.500	11.000	22.000	0	0
8	Phường An Nhơn	6.000	8.200	6.000	2.500	215.000	67.000	0	0
9	Phường An Nhơn Đông	1.351	2.460	820	200	49.345	38.000	0	0
10	Xã An Nhơn Tây	9.150	9.150	4.250	4.250	54.250	54.250	0	0
11	Phường An Nhơn Nam	5.604	11.208	5.604	5.604	232.872	465.744	0	0
12	Phường An Nhơn Bắc	3.300	6.600	1.260	1.260	135.000	270.000	0	0
13	Phường Bồng Sơn	2.550	4.100	2.550	2.050	85.000	61.000	0	0
14	Phường Hoài Nhơn	5.650	9.850	5.650	4.655	237.000	18.000	0	0
15	Phường Tam Quan	2.589	4.660	2.589	2.330	104.693	94.224	0	0
16	Phường Hoài Nhơn Đông	3.000	6.000	3.000	3.000	20.000	20.000	0	0
17	Phường Hoài Nhơn Tây	5.600	8.960	5.600	4.480	135.000	94.500	0	0
18	Phường Hoài Nhơn Nam	3.750	3.150	3.750	3.150	150.000	35.000	0	0
19	Phường Hoài Nhơn Bắc	7.510	13.500	7.510	7.000	148.994	34.000	0	0
20	Xã Phù Cát	9.593	19.186	9.593	9.593	984.700	1.969.400	0	0
21	Xã Xuân An	12.000	11.800	12.000	6.000	500.000	260.000	0	0
22	Xã Ngô Mây	3.327	5.800	3.327	1.500	110.000	60.000	0	0
23	Xã Cát Tiến	5.350	8.922	5.350	500	171.000	80.000	0	0
24	Xã Đề Gi	10.085	20.500	10.085	10.500	155.200	300.000	0	0
25	Xã Hòa Hội	11.500	20.000	11.500	2.000	209.000	20.000	0	0
26	Xã Hội Sơn	15.000	13.500	15.000	1.500	13.000	12.600	0	0
27	Xã Phù Mỹ	6.150	10.600	6.150	4.690	16.000	32.000	0	0
28	Xã An Lương	7.100	12.400	7.100	5.687	75.200	150.400	0	0
29	Xã Bình Dương	5.790	10.600	5.790	3.000	151.280	50.000	0	0
30	Xã Phù Mỹ Đông	6.674	11.500	6.674	4.200	22.100	108.000	0	0
31	Xã Phù Mỹ Tây	9.890	17.250	9.890	3.200	168.000	7.000	0	0
32	Xã Phù Mỹ Nam	12.066	21.200	12.066	4.000	155.050	16.000	0	0
33	Xã Phù Mỹ Bắc	11.765	20.000	11.765	5.000	12.942	22.000	0	0
34	Xã Tuy Phước	3.500	7.000	3.500	3.500	335.000	335.000	0	0
35	Xã Tuy Phước Đông	3.050	6.100	2.500	2.500	140.000	280.000	0	0
36	Xã Tuy Phước Tây	4.652	8.095	4.562	3.720	120.000	216.000	0	0
37	Xã Tuy Phước Bắc	4.000	8.000	4.000	4.000	105.000	210.000	0	0
38	Xã Tây Sơn	6.000	10.400	6.000	4.900	65.000	110.000	0	0
39	Xã Bình Khê	8.777	14.920	8.777	7.085	65.000	100.000	0	0
40	Xã Bình Phú	6.649	5.452	6.649	5.452	96.000	40.000	250	250
41	Xã Bình Hiệp	11.847	19.334	11.847	9.761	419.900	119.200	150	150
42	Xã Bình An	12.900	20.898	12.900	10.449	187.005	80.000	0	0
43	Xã Hoài Ân	5.800	11.600	2.000	2.000	400.000	200.000	0	0

Số TT	Đơn vị	LMLM		VDNC		CGC		Đại chó mèo	
		Trâu bò (con)	Vaccine (liều)	Trâu bò (con)	Vaccine (liều)	Gia cầm (con)	Vaccine (liều)	Chó mèo (con)	Vaccine (liều)
44	Xã Ân Tường	6.013	9.546	5.920	4.000	236.000	80.000	0	0
45	Xã Kim Sơn	8.652	8.652	1.000	1.000	15.980	15.980	0	0
46	Xã Vạn Đức	7.450	7.450	1.500	1.500	213.000	213.000	0	0
47	Xã Ân Hảo	2.900	5.800	1.000	1.000	20.000	30.000	0	0
48	Xã Vân Canh	5.500	10.000	5.500	5.000	17.377	0	0	0
49	Xã Canh Vinh	6.000	12.000	6.000	6.000	100.000	100.000	0	0
50	Xã Canh Liên	1.750	3.500	1.750	1.750	0	0	0	0
51	Xã Vĩnh Thạnh	4.000	6.500	4.000	3.250	42.000	5.500	0	0
52	Xã Vĩnh Thịnh	5.162	8.775	5.162	4.375	92.595	5.900	0	0
53	Xã Vĩnh Quang	5.088	8.400	5.088	4.200	38.143	64.000	0	0
54	Xã Vĩnh Sơn	4.195	7.500	4.195	3.750	0	0	0	0
55	Xã An Hòa	2.050	4.100	2.050	2.050	57.600	115.200	0	0
56	Xã An Lão	4.648	7.000	4.648	3.500	24.150	50.000	0	0
57	Xã An Vinh	2.982	2.662	2.982	2.662	0	0	0	0
58	Xã An Toàn	2.250	4.050	2.250	2.025	0	0	0	0
59	Phường Pleiku	1.150	2.000	1.150	1.000	34.500	0	395	300
60	Phường Hội Phú	1.600	2.560	1.600	1.280	0	0	2.228	800
61	Phường Thống Nhất	810	1.350	810	675	50.100	0	300	300
62	Phường Diên Hồng	260	100	260	100	30.920	0	170	150
63	Phường An Phú	4.273	8.546	4.273	4.273	0	0	400	400
64	Xã Biên Hồ	7.806	13.250	7.806	6.625	0	0	0	0
65	Xã Gào	4.485	7.200	4.485	3.600	180.200	0	987	800
66	Xã Ia Ly	3.260	5.216	3.260	2.608	82.400	0	1.010	808
67	Xã Chư Păh	2.074	3.350	2.074	1.660	1.900	1.000	0	0
68	Xã Ia Khuol	2.699	4.318	2.699	2.159	0	0	0	0
69	Xã Ia Phí	7.592	6.000	7.592	3.500	0	0	0	0
70	Xã Chư Prông	1.700	3.400	1.700	1.700	0	0	1.575	1.575
71	Xã Bàu Cạn	2.015	3.224	2.015	1.612	108.519	0	560	500
72	Xã Ia Boong	3.296	5.000	3.296	2.500	0	0	1.150	1.150
73	Xã Ia Lâu	2.806	4.490	2.806	2.245	0	0	1.000	800
74	Xã Ia Pia	2.700	5.400	2.700	2.700	107.000	214.000	1.800	1.800
75	Xã Ia Tôr	3.480	5.570	3.480	2.785	0	0	1.000	800
76	Xã Ia Mor	2.390	3.800	2.390	1.900	4.360	0	286	200
77	Xã Ia Puch	1.100	1.100	550	550	0	0	300	300
78	Xã Chư Sê	7.806	12.488	7.806	6.244	0	0	4.399	3.520
79	Xã Bờ Ngoong	5.062	8.100	5.062	4.050	0	0	4.190	3.350
80	Xã Ia Ko	5.675	9.080	5.675	4.540	0	0	1.900	1.520
81	Xã Albá	9.093	6.000	9.093	3.000	325.000	0	3.957	2.000
82	Xã Chư Pưh	9.129	14.600	9.129	7.300	0	0	3.100	2.480
83	Xã Ia Le	5.397	9.000	5.397	4.500	0	0	3.175	2.000
84	Xã Ia Hnú	7.700	15.400	7.700	7.700	0	0	1.740	1.740
85	Phường An Khê	4.563	7.300	4.563	3.650	0	0	3.000	2.400
86	Phường An Bình	4.168	6.669	4.168	3.334	0	0	3.000	2.700
87	Xã Cửu An	5.000	8.000	5.000	4.000	0	0	400	400
88	Xã Đăk Pơ	7.492	1.100	7.492	5.500	15.929	400	1.103	880
89	Xã Ya Hội	2.810	4.500	2.810	2.250	33.280	0	841	400
90	Xã Kbang	3.696	5.920	3.696	2.960	0	0	1.784	1.427
91	Xã Kông Bờ La	4.948	7.920	4.948	3.960	0	0	2.315	1.900
92	Xã Tơ Tung	5.600	9.000	5.600	4.500	25.100	0	960	900

Số TT	Đơn vị	LMLM		VDNC		CGC		Đại chó mèo	
		Trâu bò (con)	Vaccine (liều)	Trâu bò (con)	Vaccine (liều)	Gia cầm (con)	Vaccine (liều)	Chó mèo (con)	Vaccine (liều)
93	Xã Sơn Lang	1.420	2.280	1.420	1.140	42.290	0	728	600
94	Xã Đắk Rong	2.232	3.571	2.232	1.786	0	0	471	377
95	Xã Krong	450	720	450	360	8.750	0	340	275
96	Xã Kông Chro	12.778	20.400	0	0	0	0	3.277	2.620
97	Xã Ya Ma	4.785	7.700	4.785	3.850	0	0	1.070	856
98	Xã Chư Krey	9.070	7.250	0	0	0	0	932	750
99	Xã Srố	6.240	10.000	6.240	5.000	11.403	0	2.408	1.950
100	Xã Đắk Song	4.780	7.170	0	0	0	0	563	450
101	Xã Chơ Long	8.257	13.200	0	0	0	0	787	620
102	Phường AyunPa	1.850	3.700	1.850	1.850	0	0	0	0
103	Xã Ia Rbol	4.680	7.500	4.680	3.750	0	0	1.125	900
104	Xã Ia Sao	4.250	6.800	4.250	3.400	21.064	0	1.036	800
105	Xã Phú Thiện	9.836	15.000	9.836	7.900	51.428	5.000	5.614	3.000
106	Xã Chư A Thai	3.780	3.000	3.780	3.000	37.000	5.000	2.100	1.500
107	Xã Ia Hiao	5.600	9.000	5.600	4.500	0	0	1.750	1.400
108	Xã Pờ Tó	6.560	10.500	6.560	5.250	9.400	15.000	2.200	1.760
109	Xã Ia Pa	11.130	17.800	11.130	8.900	12.500	20.000	3.225	2.580
110	Xã Ia Tul	13.285	21.250	11.130	10.600	30.000	48.000	5.000	4.000
111	Xã Phú Túc	17.750	35.500	17.750	17.750	0	0	2.240	2.240
112	Xã Ia Dreh	16.030	28.854	16.030	14.427	0	0	2.962	2.962
113	Xã Ia Rsai	14.968	23.948	14.968	11.974	0	0	4.530	3.624
114	Xã Uar	13.377	21.404	13.377	10.702	0	0	3.500	2.800
115	Xã Đak Đoa	3.508	7.016	3.508	3.508	38.027	76.054	3.468	3.468
116	Xã Kon Gang	3.841	7.000	3.841	3.500	34.668	0	2.057	1.000
117	Xã Ia Băng	4.439	7.500	4.439	3.500	45.327	0	5.349	3.000
118	Xã KDang	4.560	7.300	4.560	3.650	61.443	0	2.233	1.786
119	Xã Đak Somei	2.253	3.604	2.253	1.802	24.422	0	1.410	660
120	Xã Mang Yang	6.206	9.930	6.206	4.965	0	0	1.475	1.180
121	Xã Lơ Pang	4.025	6.600	4.025	3.200	0	0	1.914	1.530
122	Xã Kon Chiêng	3.639	5.850	3.639	2.925	0	0	1.334	1.070
123	Xã Hra	3.070	4.900	3.070	2.450	17.053	0	831	600
124	Xã Ayun	3.910	6.650	3.325	3.325	0	0	725	580
125	Xã Ia Grai	2.395	3.000	2.395	1.500	0	0	1.800	500
126	Xã Ia Krái	3.320	5.312	3.320	2.656	11.700	0	4.284	3.427
127	Xã Ia Hrun	5.980	9.570	5.980	4.785	0	0	5.493	4.395
128	Xã Ia Chía	2.030	3.248	2.030	1.624	0	0	340	0
129	Xã Ia O	1.500	2.400	1.500	1.200	0	0	200	160
130	Xã Đức Cơ	1.555	850	1.555	850	29.191	0	1.980	800
131	Xã Ia Dok	3.562	6.000	3.562	3.000	0	0	1.200	1.200
132	Xã Ia Krêl	3.350	5.400	3.350	2.700	0	0	4.365	3.500
133	Xã Ia Dom	1.450	2.900	1.450	1.450	15.200	30.000	560	560
134	Xã Ia Nan	1.030	2.060	530	530	18.500	0	600	600
135	Xã Ia Pnôn	1.334	2.134	1.334	1.067	5.244	0	1.390	1.112
	Tổng	710.799	1.120.362	642.168	490.054	8.706.194	7.186.352	138.291	105.892